Mẫu số 39-DS (BA hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 30/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thủy, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà ***Nguyễn Thị Hà***.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Hoàng Văn Tý***.
2. Bà ***Hồ Thị Thẩm Thúy Hằng***.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà ***Lê Thị Ngọc D***, sinh năm 1974.

Địa chỉ: KV1, NT, AT, BT, TPCT.

- Người giám hộ cho nguyên đơn: Ông ***Lê Văn Gơm***, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 13/8, khu vực 6, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư ***Trần Thị Tuyết Nhung*** – Văn phòng Luật sư Trần Bá Lạc – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn Ông ***Nguyễn Văn D1***, sinh năm 1975.

Địa chỉ: KV1, NT, AT, BT, TPCT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA: ***Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam – PGD Nguyễn A Ninh.***

Địa chỉ: Số 60-62 PĐP, phường TA, quận NK, thành phố CT.

Đại diện theo pháp luật: Ông ***Nguyễn Hoàng Th*** – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông ***Nguyễn Bá T*** – Phó giám đốc. Theo văn bản ủy quyền số 275/QĐ-BIDV.TAĐ ngày 06/9/2019.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quA hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn D1.

- *Về con chung:* Giao hai con chung tên Nguyễn Lê Thanh D2 (nam), sinh ngày 12/12/2003 và Nguyễn Lê D A (nữ), sinh ngày 14/11/2017 cho bà Lê Thị Ngọc D tiếp tục

nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Lê D3 (nam), sinh ngày 16/7/2008 cho ông Nguyễn Văn D1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn D1 cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Thanh D2 mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Lê D3; ông Nguyễn Văn D1 không phải cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Lê D A.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà D, ông D1; không ai được quyền ngăn cản bà D, ông D1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, cha mẹ được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D rút yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung, bà D và ông D1 tự thỏa thuận phần tài sản và phần nợ. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về chi phí đo đạc, định giá:* Bà Lê Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn D1 phải nộp 6.997.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng*), mỗi người nộp ½ . Số tiền này bà D đã nộp và thanh toán xong nên ông Nguyễn Văn D1 có trách nhiệm giao trả lại cho bà D số tiền 3.498.500 đồng (*Ba triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 009993 ngày 09/8/2019, bà D được nhận lại số tiền 19.416.760 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm mười sáu ngàn bảy trăm sáu mươi đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Ông Nguyễn Văn D1 phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:
- TAD TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- THA Q. Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà